

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển Xí nghiệp xếp dỡ và vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 ngày 01/03/2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 27.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Cao Trung Ngoan	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Mạc Văn Luật	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 16/4/2018
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên hội đồng quản trị	Bầu bổ sung ngày 16/4/2018
Ông Phạm Việt Hà	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Hoàng Đình Quang	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên hội đồng quản trị	

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Mạc Văn Luật	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/2/2018
Ông Hoàng Đình Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/2/2018
Ông Phạm Việt Hà	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đào	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Đức Thành	Phó Giám đốc	
Ông Đỗ Ngọc Thắng	Kế toán trưởng	

3. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

5. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Đình Quang

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Số: 040/2019/BCKT-AFCVN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng, được lập ngày 05/03/2019, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần lai dất và vận tải cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.841.195.213	16.842.833.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.870.135.669	4.590.152.193
1. Tiền	111		9.870.135.669	4.590.152.193
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.231.243.450	10.723.142.631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	11.868.446.510	10.455.626.425
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		120.500.000	618.250.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	65.563.540	396.419.806
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(823.266.600)	(747.153.600)
IV. Hàng tồn kho	140		1.262.196.297	1.244.854.371
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.262.196.297	1.244.854.371
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		477.619.797	284.683.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	477.619.797	273.797.548
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	10.886.304
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.299.211.132	17.799.855.736
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.134.295.233	10.303.759.960
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	8.117.633.233	10.267.097.960
- Nguyên giá	222		53.912.291.904	53.912.291.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.794.658.671)	(43.645.193.944)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	16.662.000	36.662.000
- Nguyên giá	228		80.000.000	80.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.338.000)	(43.338.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.164.915.899	7.496.095.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	3.164.915.899	7.496.095.776
TỔNG TÀI SẢN	270		39.140.406.345	34.642.688.783

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.412.536.374	5.001.529.072
I. Nợ ngắn hạn	310		7.412.536.374	5.001.529.072
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	2.958.299.492	2.403.694.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	597.540.448	204.723.142
4. Phải trả người lao động	314		2.132.547.812	886.694.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	-	26.839.914
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.225.449.377	992.857.427
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		498.699.245	486.719.534
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.727.869.971	29.641.159.711
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	31.727.869.971	29.641.159.711
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.203.400.000	2.203.400.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.524.469.971	437.759.711
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.524.469.971	437.759.711
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		39.140.406.345	34.642.688.783



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13	66.705.228.489	63.428.307.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.705.228.489	63.428.307.216
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	50.913.484.184	52.140.370.357
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.791.744.305	11.287.936.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	131.915.691	32.845.341
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.16	9.367.855.251	9.477.228.961
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.555.804.745	1.843.553.239
11. Thu nhập khác	31	VI.17	46.932.719	32.060.559
12. Chi phí khác	32	VI.18	-	1.274.405.298
13. Lợi nhuận khác	40		46.932.719	(1.242.344.739)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.602.737.464	601.208.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	1.378.267.493	163.448.789
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.224.469.971	437.759.711
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19	1.935	162



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.602.737.464	601.208.500
2. Điều chỉnh cho các khoản				
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.169.464.727	2.499.674.182
+ Các khoản dự phòng	03		76.113.000	(4.000.000)
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(131.915.691)	(32.845.341)
+ Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.716.399.500	3.064.037.341
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(573.327.515)	2.259.295.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.341.926)	(466.536.322)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.178.363.194	(4.570.046.984)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.127.357.628	74.594.087
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.254.518.296)	(259.010.642)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	34.333.281
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(425.780.000)	(1.335.969.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.751.152.585	(1.199.303.789)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.111.363.635
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		131.915.691	32.845.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		131.915.691	4.144.208.976
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.603.084.800)	(2.587.962.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.603.084.800)	(2.587.962.550)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.279.983.476	356.942.637
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.590.152.193	4.233.209.556
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14.870.135.669	4.590.152.193



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần lai dặt và vận tải cảng Hải Phòng là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển Xí nghiệp xếp dỡ và vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty cổ phần lai dặt và vận tải cảng Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 ngày 01/3/2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa.
- Dịch vụ chuyển tải hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Cho thuê tàu lai;
- Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Hoạt động lai dặt, đưa tàu cập bến;
- Trục vớt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và vận tải đường biển;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (Không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài);
- Khai thác cảng, kinh doanh kho bãi;
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyên đổi của các khoản này.

2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính khi có sự sụt giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

7. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

8. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

9. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

11. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	323.638.053	624.018.776
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.546.497.616	3.966.133.417
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Cộng	14.870.135.669	4.590.152.193

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.640.627.180	2.146.490.513
- Công ty TNHH vận tải biển Bạch Đằng	527.573.800	-
- Công ty TNHH Đại Sơn	-	473.003.533
- Công ty TNHH Dầu khí Vũng tàu - Hải Phòng	717.438.670	-
- Công ty cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	639.547.610	-
- Công ty CP dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	-	332.335.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.756.067.100	1.341.151.980
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	8.227.819.330	8.309.135.912
- Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	6.467.967.875	6.453.922.805
- Công ty TNHH một thành viên cảng Hoàng Diệu	1.759.851.455	1.855.213.107
Cộng	11.868.446.510	10.455.626.425

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	65.563.540	-	396.419.806	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	350.000.000	-
- Phải thu khác	50.563.540	-	13.003.656	-
<i>Lãi tạm tính tiền gửi có kỳ hạn</i>	23.356.164	-	-	-
<i>Các khoản khác</i>	27.207.376	-	13.003.656	-
- Tạm ứng	15.000.000	-	30.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	3.357.350	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	58.800	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	65.563.540	-	396.419.806	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.262.196.297	-	1.244.854.371	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Cộng	1.262.196.297	-	1.244.854.371	-

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	477.619.797	273.797.548
- Chi phí bảo hiểm	212.938.993	201.341.548
- Chi phí sửa chữa	264.680.804	72.456.000
b. Dài hạn	3.164.915.899	7.496.095.776
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	564.640.032	1.611.600.160
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.346.376.963	5.548.581.488
- Các khoản khác	253.898.904	335.914.128
Cộng	3.642.535.696	7.769.893.324

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	80.000.000	80.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	43.338.000	43.338.000
- Khấu hao trong năm	-	20.000.000	20.000.000
Số cuối năm	-	63.338.000	63.338.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	36.662.000	36.662.000
Số cuối năm	-	16.662.000	16.662.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	-	353.118.405	53.357.245.772	201.927.727	-	53.912.291.904
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	353.118.405	53.357.245.772	201.927.727	-	53.912.291.904
HAO MÓN LŨY KẾ						
Số đầu năm	-	161.104.000	43.292.875.217	191.214.727	-	43.645.193.944
- Khấu hao trong năm	-	40.590.000	2.101.094.727	7.780.000	-	2.149.464.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	201.694.000	45.393.969.944	198.994.727	-	45.794.658.671
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	-	192.014.405	10.064.370.555	10.713.000	-	10.267.097.960
Số cuối năm	-	151.424.405	7.963.275.828	2.933.000	-	8.117.633.233

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.807.250.636 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.897.679.197	2.897.679.197	2.371.219.993	2.371.219.993
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và đóng tàu Đại Dương	276.076.659	276.076.659	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại dịch vụ Đại Bảo An	390.335.220	390.335.220	-	-
- Công ty TNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Thống Nhất	418.000.000	418.000.000	-	-
- Công ty CP thương mại và vận tải 568	799.659.124	799.659.124	733.177.292	733.177.292
- Công ty TNHH Một thành viên VIPCO Hạ Long	564.638.360	564.638.360	-	-
- Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Tân An	-	-	828.843.990	828.843.990
- Công ty TNHH Tân Bình	-	-	400.000.000	400.000.000
- Phải trả khác	448.969.834	448.969.834	409.198.711	409.198.711
Phải trả người bán là các bên liên quan	60.620.295	60.620.295	32.474.200	32.474.200
- Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	16.371.695	16.371.695	7.316.760	7.316.760
- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	44.248.600	44.248.600	25.157.440	25.157.440
Cộng	2.958.299.492	2.958.299.492	2.403.694.193	2.403.694.193

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	204.723.142	5.009.813.778	4.616.996.472	597.540.448
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	172.752.142	3.141.148.987	3.009.495.176	304.405.953
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.367.381.189	1.254.518.296	112.862.893
- Thuế thu nhập cá nhân	31.971.000	267.125.602	118.825.000	180.271.602
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	234.158.000	234.158.000	-
Cộng	204.723.142	267.125.602	4.616.996.472	597.540.448
b. Thuế và các khoản phải thu	10.886.304	10.886.304	-	-
- Thuế TNDN	10.886.304	10.886.304	-	-
Cộng	10.886.304	10.886.304	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	-	26.839.914
- Trích trước chi phí sửa chữa	-	26.839.914
b) Dài hạn	-	-
	-	26.839.914

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	1.225.449.377	992.857.427
- Kinh phí công đoàn	97.579.300	122.651.200
- Bảo hiểm xã hội	2.694.093	-
- Bảo hiểm y tế	1.179.916	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	488.841	11.200
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.123.507.227	870.195.027
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.225.449.377	992.857.427

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND			
01/01/2018	27.000.000.000	-	-	2.203.400.000	-	-	437.759.711	29.641.159.711
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	5.224.469.971	5.224.469.971
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
- Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	-	437.759.711	437.759.711
31/12/2018	27.000.000.000	-	-	2.203.400.000	-	-	2.524.469.971	31.727.869.971

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 306/NQ-DHĐCD năm 2018 ngày 16/04/2018:

Trích quỹ khen thưởng:	187.759.711	đồng
Trích phúc lợi:	130.000.000	đồng
Trích quỹ thưởng người quản lý DN, KSV:	120.000.000	đồng
Cộng	437.759.711	đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	16.200.000.000	16.200.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	10.800.000.000	10.800.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

12.3 CỔ PHIẾU

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hoạt động hỗ trợ lai đất	58.188.366.414	50.580.583.321
- Doanh thu hoạt động dịch vụ trọn gói	7.303.043.883	11.499.360.251
- Doanh thu hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	1.213.818.192	1.348.363.644
Cộng	66.705.228.489	63.428.307.216

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Giá vốn hoạt động hỗ trợ lai đất	41.071.378.301	36.645.316.671
- Giá vốn hoạt động dịch vụ trọn gói	8.821.869.286	14.677.914.377
Giá vốn hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	1.020.236.597	817.139.309
Cộng	50.913.484.184	52.140.370.357

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.915.691	32.845.341
Cộng	131.915.691	32.845.341

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	111.735.487	335.583.954
- Chi phí nhân công	4.898.234.800	4.426.995.829
- Chi phí khấu hao TSCĐ	201.430.727	237.924.000
- Thuế, phí, lệ phí		234.158.000
- Các khoản dự phòng	76.113.000	(4.000.000)
- Chi trợ cấp thôi việc	355.055.720	2.522.875.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.832.886	669.894.271
- Chi phí khác bằng tiền	3.542.452.631	1.053.797.357
Cộng	9.367.855.251	9.477.228.961

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Thanh lý phế liệu	46.932.719	32.060.559
	46.932.719	32.060.559

18. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	1.000.659.669
- Các khoản chi phí khác	-	273.745.629
	-	1.274.405.298

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.224.469.971	437.759.711
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.935	162

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.602.737.464	601.208.500
Các khoản chi phí không được khấu trừ	244.500.000	216.035.445
- Thù lao Hội đồng quản trị	244.500.000	216.000.000
- Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	35.445
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.847.237.464	817.243.945
Chi phí thuế TNDN phải nộp	1.369.447.493	163.448.789
Thuế TNDN năm trước	8.820.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.378.267.493	163.448.789

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.602.396.185	12.124.167.819
Chi phí nhân công	17.342.291.754	15.653.807.107
Khấu hao tài sản cố định	2.169.464.727	2.499.674.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.004.861.915	26.486.176.293
Chi phí bằng tiền khác	5.162.324.854	4.853.773.917
Cộng	60.281.339.435	61.617.599.318

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.870.135.669	4.590.152.193
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.934.010.050	10.852.046.231
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	26.804.145.719	15.442.198.424
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	4.081.806.719	3.273.889.220
Chi phí phải trả	-	26.839.914
Cộng	4.081.806.719	3.300.729.134
Trạng thái ròng	22.722.339.000	12.141.469.290

Tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	4.081.806.719	-	4.081.806.719
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	4.081.806.719	-	4.081.806.719
Số đầu năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.273.889.220	-	3.273.889.220
Cộng	3.300.729.134	-	3.300.729.134

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TÀI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Dưới 1 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.870.135.669	-	14.870.135.669
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.186.856.450	747.153.600	11.934.010.050
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	26.056.992.119	747.153.600	26.804.145.719
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.590.152.193	-	4.590.152.193
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.104.892.631	747.153.600	10.852.046.231
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	14.695.044.824	747.153.600	15.442.198.424

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty không phải trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hoạt động dịch vụ trọn gói	Hoạt động dắt, hỗ trợ	Hoạt động lai	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.213.818.192	7.303.043.883	58.188.366.414		66.705.228.489
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.020.236.597	8.821.869.286	41.071.378.301		50.913.484.184
Kết quả kinh doanh bộ	193.581.595	(1.518.825.403)	17.116.988.113		15.791.744.305
Chi phí không phân bổ					9.367.855.251
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					6.423.889.054
Doanh thu tài chính					131.915.691
Lãi/(lỗ) hoạt động khác					46.932.719
Lợi nhuận trước thuế					6.602.737.464
Thuế TNDN					1.378.267.493
Lợi nhuận trong năm					5.224.469.971
Tài sản					
Tài sản bộ phận	712.228.087	4.285.182.910	34.142.995.348		39.140.406.345
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản					39.140.406.345
Nợ phải trả bộ phận	134.884.052	811.541.758	6.466.110.564		7.412.536.374
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả	134.884.052				7.412.536.374

24. BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	39.598.252.782
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	11.476.209.497
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.873.037.825
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.026.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	6.467.967.875 (16.371.695)
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	1.759.851.455
Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu		Phải trả người bán	(44.248.600)

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thu nhập của ban Giám đốc

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của ban Giám đốc	1.059.472.999	830.920.548
Tiền lương, thưởng, phụ cấp Ban Giám đốc	1.059.472.999	830.920.548

VII. THÔNG TIN KHÁC

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập